COMPARATIVE FORMS OF ADJECTIVES

(ÔN TẬP SO SÁNH HƠN VỚI TÍNH TỪ)

1. Ôn tập so sánh hơn với tính từ (comparative forms of adjectives)

Sử dụng so sánh hơn của tính từ để so sánh giữa người (hoặc vật) này với người (hoặc vật) khác. Trong so sánh hơn, tính từ sẽ được chia làm hai loại là tính từ dài và tính từ ngắn. Trong đó:

- Tính từ ngắn là những tính từ có 1 âm tiết. Ví dụ: tall, high, big,...

- Tính từ dài là những tính từ có từ 2 âm tiết trở lên. Ví dụ: expensive, intelligent,...

2. Cấu trúc câu so sánh hơn

Đối với tính từ ngắn	**Đối với tính từ dài**
S1 + to be + adj-er + than + S2	S1 + to be + more + adj + than + S2
Với tính từ ngắn, thêm đuôi "er" vào sau tính từ	Với tính từ dài, thêm "more" trước tính từ
Ví dụ: China is **bigger** than India. (Trung Quốc to lớn hơn Ấn Độ. Lan is **shorter** than Nam. (Lan thì thấp hơn Nam).	Ví dụ: Gold is **more valuable** than silver. (Vàng có giá trị hơn bạc). Hanh is **more beautiful** than Hoa. (Hạnh thì xinh hơn Hoa).

LIVEWORKSHEETS

My house is **bigger** than your house. (Nhà của tôi to hơn nhà của bạn). His pen is **newer** than my pen. (Bút của anh ấy mới hơn bút của tôi).	Your book is **more expensive** than his book. (Quyển sách của bạn đắt hơn quyển sách của anh ấy.) Exercise 1 is **more difficult** than exercise 2. (Bài tập số 1 khó hơn bài tập số 2)

*** <u>Lưu ý:</u>**

Để nhấn mạnh ý trong câu so sánh hơn, ta thêm "much" hoặc "far" trước hình thức so sánh.

Ví dụ:

Her boyfriend is **much/far older** than her.

(Bạn trai của cô ấy lớn tuổi hơn cô ấy rất nhiều.)

3. Cách sử dụng tính từ trong câu so sánh hơn

- Cách thêm đuôi –er vào tính từ ngắn:

Tính từ kết thúc bởi 1 phụ âm => thêm đuôi -er	old - older, near - nearer
Tính từ kết thúc bởi nguyên âm "e" => chỉ cần têm đuôi "r"	nice – nicer
Tính từ kết thúc bởi 1 nguyên âm (a,i,e,o,u) + 1 phụ âm => gấp đôi phụ âm cuối và thêm đuôi –er.	big – bigger, hot – hotter , fat – fatter , fit – fitter
Tính từ kết thúc bởi "y", dù có 2 âm tiết vẫn là tính từ ngắn => bỏ "y" và thê,	happy – happier,

LIVEWORKSHEETS

	pretty - prettier

* Lưu ý:

Một số tính từ có hai âm tiết kết thúc bằng "et, ow, le,er, y" thì áp dụng Quy tắc thêm đuôi -er như tính từ ngắn.

Ví dụ: quiet => quieter

clever – cleverer

simple – simpler

narrow – narrower

- Một vài tính từ đặc biệt:

Với một số tính từ sau, dạng so sánh hơn của chúng không theo quy tắc trên.

Tính từ	**Dạng so sánh hơn**
good	better
bad	worse
far	farther/further
much/many	more
little	less
old	older/elder

LIVEWORKSHEETS

COMPARATIVE FORMS OF ADVERBS

(SO SÁNH VỚI TRẠNG TỪ)

Tương tự như tính từ, trạng từ cũng được chia làm 2 loại:

- Trạng từ ngắn là những từ có 1 âm tiết

Ví dụ: hard, fast, near, far, right, wrong,...

- Trạng từ dài là những từ có 2 âm tiết trở lên.

Ví dụ: slowly, responsibly, quickly, interestingly, tiredly,....

1. Cấu trúc câu so sánh hơn với trạng từ

Đối với trạng từ ngắn	**Đối với trạng từ dài**
S1 + V + adv-er + than + S2	**S1+ V + more/less + adv + than S2**
Với trạng từ ngắn, thường là trạng từ chỉ cách thức có hình thức giống tính từ, ta thêm đuôi "er"vào sau trạng từ.	- Với trạng từ dài, hầu hết là các trạng từ chỉ cách thức có đuôi “-ly” ta thêm “more” (nhiều hơn) hoặc “less”(ít hơn) vào trước trạng từ. - less” là từ phản nghĩa của “more" được dùng để diễn đạt sự không bằng nhau ở mức độ ít hơn.

LIVEWORKSHEETS

Ví dụ: They work harder than I do. (Họ làm việc chăm chỉ hơn tôi) She runs faster than he does. (Cô ấy chạy nhanh hơn anh ấy) My mother gets up earlier than me. (Mẹ tôi thức dậy sớm hơn tôi.) I go to school later than my friends do. (Tôi đi học muộn hơn các bạn.)	**Ví dụ:** My friend did the test more carefully than I did, (Bạn tôi làm bài kiểm tra cẩn thận hơn tôi) My father talks mọc slowly tham my mother does. (Bố tôi nói chậm hơn mẹ tôi.) Hanh acts less responsibly than anyone here. : (An hoạt động ít trách nhiệm hơn bất cứ ai ở đây.)

2. Một vài trạng từ có dạng đặc biệt

Trạng từ	Trạng từ so sánh hơn
well	better
badly	worse
far	farther/further

LIVEWORKSHEETS

early	earlier (không thêm more)

Ví dụ:

The little boy ran farther than his friends. (Cậu bé chạy xa hơn những người bạn.)

You're driving worse today than yesterday. (Hôm nay bạn lái xe tệ hơn hôm qua.)

REVIEW (COMPARATIVE FORMS OF ADJECTIVES)

Question 1. Dogs are _____ than buffaloes.

A. intelligenter **B.** more intelligent

C. smart **D.** more smarter

Question 2. Coco thinks life in the countryside is _____that in the city.

A. boringer **B.** excited **C.** more boring **D.** more excited

Question 3. In the country, streets are generally _____than those in the city.

A. more narrow **B.** narrower **C.** narrow **D.** narrowing

Question 4. Urban areas are _____ than rural areas.

A. more busy **B.** busyer **C.** busier **D.** more busier

Question 5. Julie lives in the countryside. She's a little _____ than her friends.

A. quieter **B.** more quiet **C.** noisy **D.** more noisy

Question 6. Nguyen thinks city life is much _____.

A. more interesting **B.** interestinger

C. interested **D.** more interested

Question 7. My garden is a lot _____than this park.

A. colourfuler **B.** colourful **C.** less colour **D.** more colourful

Question 8. It is amazing. His house is much _____ than a hotel.

A. comfortabler **B.** comfortable **C.** comfort **D.** more comfortable

LIVEWORKSHEETS

Question 9. He seems to be _____ than we thought.

A. more quick **B.** more quickly **C.** quicklier **D.** quicker

Question 10. Is living in the city _____ than living in the country?

A. more convenient **B.** as convenient **C.** most convenient **D.** so

Question 11. Harvesting the rice is much _____ than drying the rice.

A. more harder **B.** more hardly **C.** hardlier **D.** harder

Question 12. In my opinion, country people are _____ than city people.

A. more friendly **B.** friendlier **C.** more friendlier **D.** both A&B

Question 13. A village is often _____ than a city.

A. more densely populated **B.** less densely populated

C. more densely populating **D.** less densely populating

Question 14. Medical help is _____ easily obtained in remote areas than in towns.

A. more **B.** fewer **C.** less **D.** higher

Question 15. He seems to be _____ than he did yesterday.

A. more quick **B.** more quickly **C.** quicklier **D.** quicker

COMPARATIVE FORMS OF ADVERBS

Question 1. The teacher asked me to speak _____.

A. loud **B.** louder **C.** more loud

Question 2. Today you looks_____ than usual.

A. more confident **B.** more confidently **C.** confidently

Question 3. You have to work_____ if you want to succeed.

A. more hardly **B.** hardlier **C.** harder

Question 4. You need to work _____ , or you will make a lot of mistakes.

A. more careful **B.** more carefully **C.** carefully

LIVEWORKSHEETS

Question 5. Your house is decorated _____ than mine.

A. more beautiful **B.** more beautifully **C.** beautifully

Question 6. City drivers have to drive _____ than country ones.

A. more careful **B.** more careless

C. more carefully **D.** more carelessly

Question 7. I can't understand what you are saying. Could you speak _____?

A. slowly **B.** less slowly **C.** more slowly **D.** most slowly

Question 8. They live _____ with their family in a small cottage.

A. happy **B.** happily **C.** unhappy **D.** happiness

Question 9. Mr. Brown arrived _____ than expected.

A. more early **B.** earlier **C.** late **D.** more late

Question 10. We walked_____ than the rest of the people.

A. more slowlier **B.** slowlier **C.** more slowly **D.** more fast

Question 11. My mother talked _____ than the other guests.

A. more loudly **B.** loudlier

C. more loudlier **D.** loudly

Question 12. I went home _____ this afternoon.

A. more late **B.** later **C.** more early **D.** more earlier

Question 13. Jim jumped _____ than Peter.

A. more fartherly **B.** far **C.** farther **D.** farrer

Question 14. Minh always answers questions _____ than the other students.

A. weller **B.** good **C.** better **D.** goodly

Question 15. Our new teacher explains the exercises _____ than our old one.

A. more badly **B.** bad **C.** badder **D.** worse

LIVEWORKSHEETS